

MÔ HÌNH SINH KẾ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH QUẢNG NAM

GS.TS. Đặng Đình Đào, Ths. Phạm Thị Minh Thảo

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: daothuongmai@yahoo.com

Tỉnh Quảng Nam hiện có 19 dân tộc thiểu số với trên 24 ngàn hộ và gần 114 ngàn người, chiếm khoảng 7,3% dân số toàn Tỉnh. Cộng đồng dân tộc thiểu số, do điều kiện lịch sử, sống trong những điều kiện tương đối đặc thù và tương đối kém phát triển so với mặt bằng chung của xã hội. Họ chịu nhiều thiệt thòi trong điều kiện phát triển của kinh tế - xã hội hiện tại. Chính vì vậy họ là nhóm người cần được ưu tiên trong các chính sách phát triển. Tuy nhiên, trong thực tế, đời sống cũng như việc lựa chọn phương thức mưu sinh đối với đồng bào dân tộc thiểu số hiện đang còn gặp nhiều khó khăn. Bài báo này tập trung đánh giá thực trạng nguồn vốn, tài sản và các hoạt động sinh kế của người dân tộc thiểu số trên cơ sở kết quả của cuộc khảo sát do Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển thực hiện, làm nền tảng mở ra các hướng nghiên cứu mô hình sinh kế vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam¹.

Từ khóa: sinh kế, dân tộc thiểu số, Quảng Nam, hoạt động nông nghiệp

1. Khái quát về các nguồn vốn sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số

1.1. Nguồn vốn tài chính

Nguồn vốn tài chính- yếu tố quan trọng trong việc lựa chọn và quyết định đầu tư các hoạt động sinh kế, tạo nguồn thu nhập. Tuy nhiên, chiếm tới 95,66% tổng số hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tình trạng thiếu vốn. Những khó khăn về tài chính làm cho khả năng phát triển các hoạt động kinh tế của các hộ bị giảm sút và đây cũng là nguyên nhân làm cho cơ hội lựa chọn các hoạt động sinh kế của người dân trở nên hạn chế. Có 3 nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng thiếu vốn của các hộ:

Một là, với mức thu nhập bình quân còn khá thấp, người dân không có tích lũy từ quá trình sản xuất;

Hai là, người dân không vay được vốn vì nhiều lý do khác nhau: (i) Một người trong hộ vay mà chưa trả nợ xong thì người khác trong hộ không thể vay tiếp; (ii) Nhiều người không biết mình thuộc đối tượng được vay (chiếm 38,71% hộ gia đình trả lời phỏng vấn); (iii) Chưa biết đầu tư vào việc gì nên không vay (với tỷ lệ rất lớn 93,55% hộ gia đình). Nhiều hộ vay vốn ngân hàng không biết trồng cây gì? nuôi con gì? Bên cạnh đó việc làm ăn không có

kế hoạch, hoàn toàn dựa vào điều kiện tự nhiên sẵn có, không có khả năng sắp xếp phân công lao động, không biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; (iv) Không đủ khả năng lập dự toán phương án sản xuất kinh doanh để vay vốn (67,74%); (v) Chấp nhận cuộc sống hiện tại với sự trợ giúp của Nhà nước (41,94%);

Ba là, một số người có thể vay được vốn từ Ngân hàng Chính sách Xã hội nhưng nguồn vốn vay này thường có định mức thấp, lại không đáp ứng đúng thời điểm vì cho vay theo đợt, đối tượng vay được từ nguồn này phải tham gia các đoàn thể như (hội nông dân, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ...) vì ngân hàng cho vay tín chấp qua các đoàn thể nhưng tỷ lệ người tham gia các đoàn thể này lại không cao, bên cạnh đó đối tượng ưu tiên vay vốn ở nguồn vốn này lại là hộ nghèo nên nhiều hộ không tiếp cận vay vốn được từ nguồn này.

Như vậy, thiếu vốn hiện đang là một rào cản đối với việc lựa chọn mô hình sinh kế, mở rộng quy mô sản xuất và tăng năng suất cây trồng vật nuôi ở các hộ nông dân đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam hiện nay.

1.2. Nguồn vốn con người

Nguồn vốn con người là yếu tố đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng mô hình sinh kế hiệu quả và bền vững. Nếu được chú trọng và trau dồi thì yếu tố con người có thể khắc phục được những hạn chế của các yếu tố nguồn lực khác. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Nam, sức khỏe đang là yếu tố chủ đạo, quyết định hiệu quả của các hoạt động sinh kế. Tuy nhiên, trình độ dân trí thấp, người dân thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng, hơn nữa tập quán lạc hậu, chưa có tư duy làm ăn tích lũy lại chính là yếu tố cản trở các hoạt động sinh kế.

Qua khảo sát cho thấy, thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào lao động chính trong các hộ nhưng do tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số sản xuất tự cung tự cấp và điều kiện sống còn nhiều khó khăn nên tình trạng ốm đau nặng và tệ nạn xã hội đang làm hạn chế cơ hội tạo sinh kế bền vững. Vì vậy, cơ hội việc làm, thu nhập trong các hộ gia đình, làng bản là rất khác nhau và khá bấp bênh.

1.3. Nguồn vốn tự nhiên

Yếu tố tự nhiên có vai trò rất quan trọng, đặc biệt đối với người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam vì đa số các hoạt động sinh kế của họ dựa vào nông nghiệp. Tác động của các yếu tố tự nhiên đến sinh kế có thể xem xét ở cả 2 mặt. Ở góc độ tích cực, môi trường tự nhiên cung cấp nguyên liệu và không gian cho sản xuất. Mặt khác, ở góc độ tiêu cực, môi trường tự nhiên cũng gây ra thiên tai, thảm họa cho con người. Đặc điểm vị trí, địa hình, khí hậu Quảng Nam đã tạo nên hai mùa rõ rệt trong năm, đó là mùa khô từ tháng 1 đến tháng 8 thường bị thiếu nước gây ra hạn hán và mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12 thường thừa nước gây lũ lụt. Thiên tai ở khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam diễn ra đa dạng, hết sức phức tạp và khốc liệt, chủ yếu do ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới, gió mùa đông bắc, tố lốc, giông sét, lũ quét, sạt lở đất... gây ảnh hưởng lớn đối với các hoạt động sinh kế cũng như cuộc sống của người dân do các thiệt hại về cơ sở hạ tầng, về hiệu quả sản xuất kinh tế. Về mùa khô, thời tiết nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao và lượng mưa thấp đã xảy ra hạn hán ở nhiều vùng trong tỉnh, đặc

biệt là các khu vực miền núi- nơi sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Như vậy có thể thấy, bên cạnh những mặt tích cực trong việc tạo ra các tiềm năng cho phát triển sinh kế bền vững thì nguồn vốn tự nhiên cũng tạo ra những rào cản trong hoạt động sinh kế của người dân.

Trong các nguồn vốn tự nhiên, đất đai là một nguồn tài nguyên quan trọng và thiết yếu. Nguồn tài nguyên này mang lại nhiều lợi ích nếu như được khai thác và sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả. Đối với vùng miền núi nơi đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống thì đất đai là có thể xác định là một thế mạnh và là yếu tố tiềm năng. Diện tích đất có khả năng khai hoang, phục hóa còn nhiều cùng với sự dồi dào và đa dạng của các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Tuy nhiên, diện tích đất trồng đồi núi trọc còn khá lớn, độ dốc cao, địa hình quá hiểm trở, cơ sở hạ tầng yếu kém, giao thông đi lại rất khó khăn đang là một khó khăn của vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bảng 1 cho thấy đánh giá của người dân đồng bào dân tộc thiểu số về yếu tố tự nhiên trong hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, yếu tố đất đai thổ nhưỡng chỉ là yếu tố rất tốt đối với 8,24% hộ dân, là yếu tố được đánh giá tương đối tốt của 23,84% hộ; tỷ lệ rất cao 52,15% hộ dân đánh giá ở mức độ trung bình, 15,59% hộ dân đánh giá yếu tố đất đai kém chất lượng và tỷ lệ khá nhỏ 0,18% đánh giá ở mức độ rất xấu.

Đối với khu vực miền núi thì địa hình cũng là yếu tố ảnh hưởng khá nhiều đối với kết quả sản xuất và thu nhập. Địa hình không chỉ có ảnh hưởng tới sự kết nối của người dân với những điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện, kỹ thuật, kiến thức sản xuất mà từ đó còn tác động đến sự tiếp cận của người dân với các nguồn vốn tự nhiên. Tại tỉnh Quảng Nam, các yếu tố này đại đa số người dân đồng bào dân tộc thiểu số đánh giá ở mức trung bình và kém, với tỷ lệ tương ứng là 38,56% và 42,70%. Địa hình không thuận lợi đã trở thành một trong những nhân tố gây cản trở đồng bào dân tộc thiểu số trong việc tiếp cận nguồn lực tự nhiên, khó khăn trong việc vận chuyển sản phẩm hàng hóa, gây ảnh hưởng rất tiêu cực đến

Bảng 1: Đánh giá của người dân về các yếu tố tự nhiên

Đơn vị: % ý kiến trả lời

Chỉ tiêu	Rất tốt	Tương đối tốt	Trung bình	Xấu	Rất xấu	Tổng cộng
Đất đai, thổ nhưỡng	8,24	23,84	52,15	15,59	0,18	100
Khí hậu, địa hình đi lại	0,36	9,73	38,56	42,70	8,65	100

Nguồn: Kết quả điều tra, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, năm 2012

sản xuất.

1.4. Nguồn vốn vật chất

Nguồn vốn vật chất là một yếu tố thiết yếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân, bao gồm: nhà ở, cơ sở hạ tầng, các công cụ sản xuất. Theo kết quả điều tra, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã có nhà kiên cố còn rất thấp (chỉ chiếm 0,52%). Đại đa số người dân đồng bào dân tộc thiểu số (79,30%) mới có được nhà bán kiên cố. 19,78% người dân mới có nhà tạm và 1,39% số hộ còn chưa có nhà ở. Như vậy, điều kiện sống đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam còn chưa được đảm bảo sự an toàn, chưa tạo được tâm lý yên tâm, ổn định, đặc biệt khi thời tiết xảy ra những tình trạng thiên tai...

Tài sản vật chất trong gia đình cũng được xem là một nguồn vốn vật chất quan trọng. Nguồn vốn vật chất này của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam được thể hiện qua kết quả điều tra ở bảng 2.

Số liệu bảng 2 cho thấy nguồn tài sản của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam: trên 40% số các hộ dân đã có xe máy, khoảng 66% hộ dân có tivi, gần 50% hộ dân có điện thoại cố định và điện thoại di động... Những phương tiện này một phần phục vụ sản xuất và đời sống thường ngày của

người dân, một mặt góp phần đáp ứng nhu cầu giải trí, mặt khác tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận các nguồn thông tin kinh tế, xã hội, giá cả của thị trường, biến động của thời tiết... Với đặc thù chủ yếu của sản xuất nông nghiệp, các hộ đều cần có xe máy để chuyên chở nông sản hàng hóa. Các tài sản khác như điện thoại để bàn, điện thoại di động đều được các hộ chủ động trang bị để thuận tiện trong việc liên lạc tiêu thụ các sản phẩm do họ sản xuất. Tuy nhiên, đánh giá một cách tổng thể, các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số còn khá nghèo nàn, các tài sản mới chủ yếu đáp ứng những nhu cầu tối thiểu của đời sống cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hộ dân trong mẫu nghiên cứu đều chưa được sở hữu các tư liệu sản xuất quan trọng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như xe tải, máy kéo, máy cày... Trong sự phát triển chung của xã hội cùng với sự phù hợp hơn trong lựa chọn các hoạt động sinh kế thì đời sống vật chất của người dân đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam cũng đang từng bước được nâng lên tuy nhiên với nguồn vốn vật chất này chưa thể tạo được một cơ sở vững chắc trong việc tạo lập sinh kế bền vững.

2. Về các hoạt động sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam

Bảng 2: Tài sản hiện có của các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số

Đơn vị: tỷ lệ % hộ trả lời phỏng vấn

Chỉ tiêu	1	2	3	4
Xe đạp	5.00	0.17	0	0
Xe máy	40.00	4.00	0.50	0
Tivi	65.33	0.50	0	0
Tủ lạnh	5.67	0	0.17	0
Điện thoại cố định	5.50	0.50	0.17	0
Điện thoại di động	32.50	7.33	1.50	0
Đầu video	35.67	0	0	0
Xe tải	0.50	0	0	0
Ô tô con	0	0	0	0
Máy cày	0	0	0	0
Máy kéo	0	0	0	0
Tài sản khác	1.67	0.33	0	0

Nguồn: Kết quả điều tra, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, năm 2012

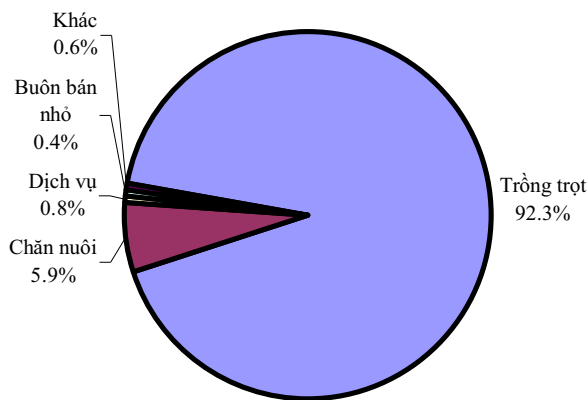
(Ghi chú: 1- 5 là số lượng của các tài sản)

Nghiên cứu về cơ cấu kinh tế cũng như việc làm, thu nhập tại các vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam cho thấy mức độ phụ thuộc rất lớn của đồng bào vào sản xuất nông nghiệp. Phần lớn lao động tại vùng khảo sát làm việc trong khu vực nông nghiệp, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp rất thấp. Nguyên nhân chủ yếu là do tại địa phương các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ mới chỉ phát triển ở mức độ khá khiêm tốn, bên cạnh đó số lượng lao động thiểu số được đào tạo ngành nghề phi nông nghiệp rất ít cho nên đại đa số lao động đều tham gia vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Trong điều kiện hiện nay khi mà giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp vẫn còn thấp thì đây là một cản trở đáng kể đối với việc chuyển đổi lao động sang các ngành phi nông nghiệp nhằm cải thiện kinh tế và nâng cao thu nhập của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Hình 1 cho thấy 92,3% hộ có nguồn thu nhập chính từ hoạt động trồng trọt và 5,9% từ các hoạt động chăn nuôi. Số các hộ làm dịch vụ, buôn bán

Hình 1: Các hoạt động sinh kế vùng đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Nam



Nguồn: Kết quả điều tra, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, năm 2012

nhỏ chiếm tỷ lệ rất nhỏ... Những số liệu này cho thấy sự phụ thuộc sinh kế rất lớn của dân cư vào nghề trồng trọt. Tuy nhiên, thực tế phần lớn người dân vẫn trồng trọt trên nương rẫy, phương thức sản xuất lạc hậu, công cụ lao động thô sơ nên năng suất cây trồng thấp, việc giải quyết lương thực không vững chắc, thiếu đói ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của đồng bào.

Với những hoạt động sinh kế này, thu nhập người dân tộc thiểu số ở đây tương đối thấp so với mức bình quân chung của cả nước. Người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số đang có mức thu nhập khá thấp so với mặt bằng chung của cả nước, chính vì vậy, họ đang gặp khá nhiều khó khăn trong cuộc sống, tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số trong thuộc diện đói nghèo khá cao (khoảng 40,7%). Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo ở mức cao 24,18%, trong khi cả nước tỷ lệ này là 14,2%. Quảng Nam có tới 7 huyện nghèo trên 50% với 134 xã nghèo đặc biệt đồng bào dân tộc thiểu số hộ nghèo trên 60%, cá biệt huyện Nam Trà My 84,27%, Nam Giang 72,3%. Họ là những đối tượng dễ bị tổn thương khi phải vượt qua những biến động trong cuộc sống do thiên tai, dịch bệnh, hoặc khủng hoảng kinh tế gây ra. Với mức thu nhập này phần nào cho thấy đời sống của đa phần người dân đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Nam còn chưa được ổn định, sinh kế của cá nhân, của các hộ gia đình dân tộc thiểu số chưa được xem là bền vững.

3. Gợi mở mô hình sinh kế vùng đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Nam

Kết quả phỏng vấn cán bộ quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ở bảng 3 cho thấy, tuy mức độ phụ thuộc sinh kế của đồng bào dân tộc thiểu số vào ngành trồng trọt là rất lớn, nhưng khi được hỏi ý kiến về các yếu tố nguồn lực chính của ngành trồng trọt, đại đa số cán bộ quản lý hiện đang đánh giá các thế mạnh của ngành này đều chủ yếu ở mức trung bình. Yếu tố điều kiện tự nhiên còn được một số cán

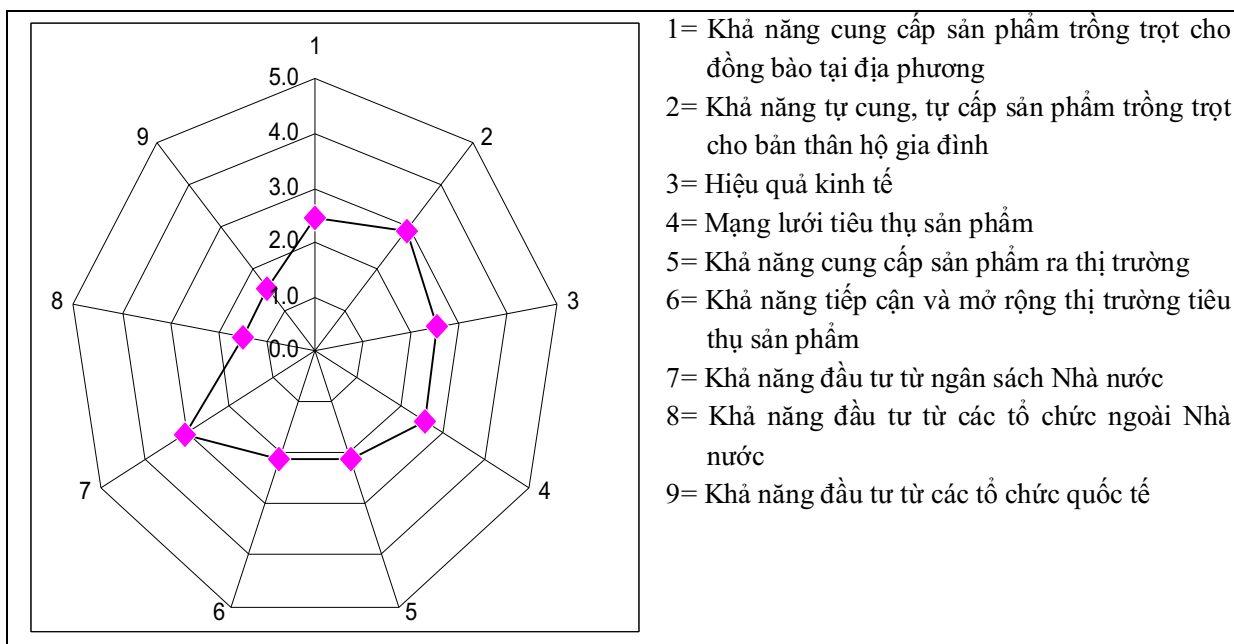
Bảng 3: Ý kiến đánh giá về thế mạnh nguồn lực của ngành nghề "trồng trọt"

Đơn vị: tỷ lệ % cán bộ quản lý trả lời phỏng vấn

Nguồn lực	Rất mạnh	Mạnh	Trung bình	Yếu	Rất yếu
Điều kiện tự nhiên	12.90	38.71	45.16	3.23	0.0
Kinh nghiệm	0.00	0.00	54.84	41.94	3.23
Lao động	3.23	32.26	64.52	0.00	0.00
Vốn	0.00	0.00	35.48	64.52	0.00

Nguồn: Kết quả điều tra, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, năm 2012

Hình 2: Điểm đánh giá về các thế mạnh khác của ngành nghề “trồng trọt”



Nguồn: Kết quả điều tra, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, năm 2012

bộ đánh giá ở mức cao hơn và có 12,9% cán bộ đánh giá là điểm rất mạnh và 38,71% cán bộ đánh giá là điểm mạnh. Tương tự, yếu tố lao động cũng được 3,23% cán bộ đánh giá là điểm rất mạnh và 32,36% ý kiến đánh giá là điểm mạnh.

Trong khi đó, đối với hai yếu tố kinh nghiệm và vốn, hiện đang có nhiều ý kiến đánh giá cho rằng đây là không phải là thế mạnh đối với ngành trồng trọt ở vùng dân tộc thiểu số với đại đa số các ý kiến đều đánh giá ở mức độ trung bình và yếu.

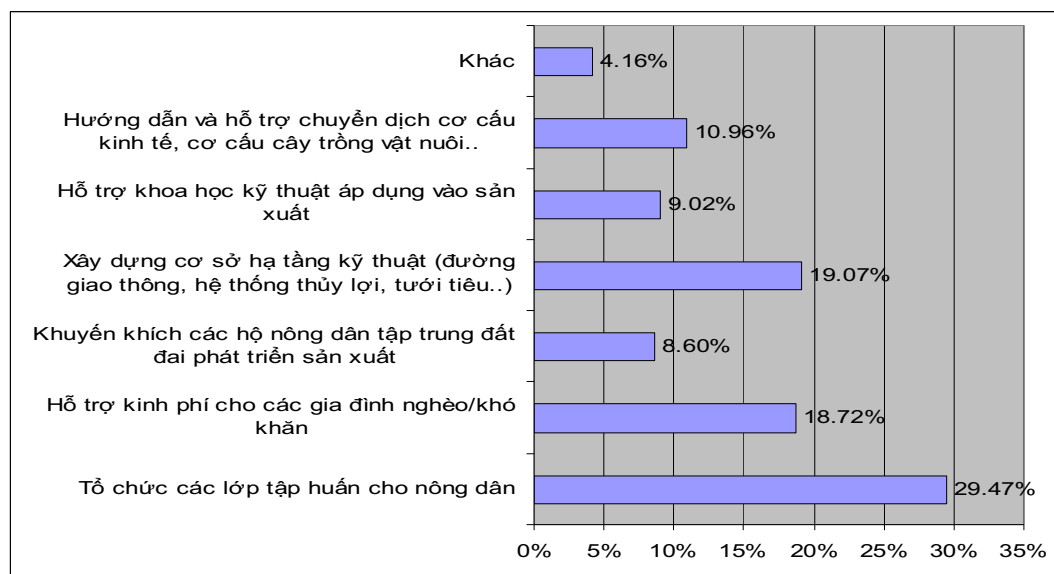
Hình 2 cho thấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý tỉnh Quảng Nam về ngành trồng trọt của đồng bào dân tộc thiểu số. Các yếu tố này được đánh giá theo thang điểm 5, với ý nghĩa 1 điểm = rất kém và 5 điểm = rất tốt. Với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số, một số nơi giao thông còn chưa tới, chưa có điều kiện để phát triển các loại cây trồng, sản phẩm ngành nghề trồng trọt và tại đó vẫn phải chấp nhận giải pháp giải quyết lương thực cũng như nông sản tại chỗ và thậm chí chấp nhận khoanh vùng cho dân làm nương, làm rẫy để có lương thực. Tuy nhiên khả năng tự cung, tự cấp các sản phẩm nông nghiệp cho chính bản thân gia đình chỉ mới ở mức độ trung bình (2,9 điểm). Bên cạnh đó, khả năng cung cấp hàng hoá tại địa phương còn kém hơn (chỉ đạt tương ứng là 2,4 điểm). Mạng lưới tiêu thụ nông sản hàng hoá, khả năng tiếp cận và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá hiện đang là vấn đề khó khăn đối với đồng bào dân tộc thiểu số (với số điểm khá thấp, tương ứng là 2,6 và 2,1 điểm). Điều này cho thấy

mức độ kém bền vững của hoạt động sinh kế này.

Trong điều kiện phát triển các hoạt động sinh kế hiện nay, Nhà nước và Chính quyền địa phương đã có những hỗ trợ tích cực cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số với nhiều phương thức khác nhau: 29,47% hộ dân được tham gia các lớp tập huấn tổ chức cho các nông dân; 18,72% hộ gia đình nghèo/khó khăn được hỗ trợ kinh phí. Ngoài ra, các hộ nông dân còn được Nhà nước/chính quyền địa phương hướng dẫn và hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, tưới tiêu...); khuyến khích các hộ nông dân tập trung đất đai phát triển sản xuất (hình 3). Các phương thức này, tuy mới được Nhà nước và địa phương hỗ trợ ở một mức độ nhất định, tuy nhiên, với một tỉnh còn nhiều khó khăn như Quảng Nam thì những hỗ trợ này đã thể hiện khá rõ sự quan tâm đầu tư của Tỉnh.

Với những hỗ trợ của Nhà nước và Chính quyền địa phương, kết quả phỏng vấn các hộ gia đình dân tộc miền núi ở hình 4 cho thấy, trong các yếu tố có tác động đối với hoạt động sinh kế hiện nay, đối với yếu tố lao động thì bản thân các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số có thể tự lo được, tỷ lệ rất nhỏ hộ gia đình cần sự hỗ trợ của Nhà nước. Yếu tố đất đai, tỷ lệ hộ gia đình cần sự hỗ trợ của Nhà nước nhiều hơn (16,15%). Đối với các yếu tố vốn, kỹ thuật, thị trường tiêu thụ- đây là những yếu tố tác động lớn đến kết quả hoạt động sinh kế, nhìn chung

Hình 3: Hỗ trợ của Nhà nước, địa phương đối với người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số



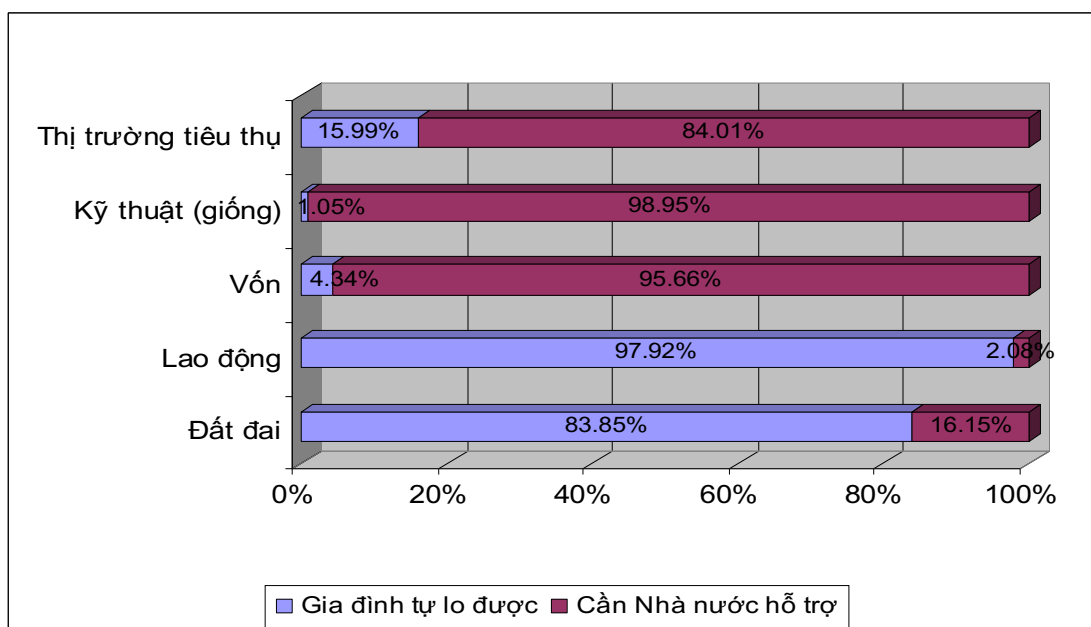
Nguồn: Kết quả điều tra, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, năm 2012

đại đa số các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay đều đang rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước (95,66% hộ gia đình cần hỗ trợ vốn; 98,95% hộ cần hỗ trợ về kỹ thuật và 84,01% hộ cần hỗ trợ về thị trường tiêu thụ). Điều này cho thấy mô hình sinh kế “2+3” (trong đó 2 yếu tố: đất đai và lao động dân tự lo; 3 yếu tố: vốn, kỹ thuật (giống) và thị trường thuộc về Nhà nước) đang là mô hình tổng quát sinh kế phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh

Quảng Nam hiện nay.

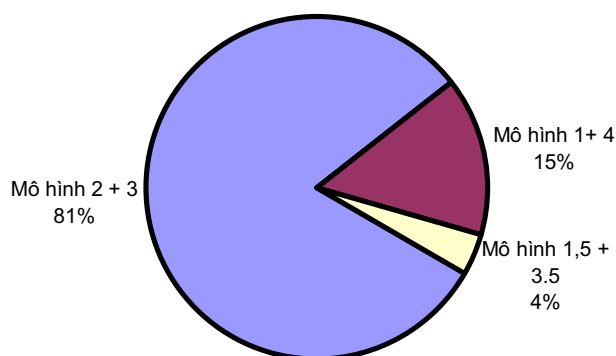
Điều này hoàn toàn phù hợp với ý kiến của đại đa số người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số khi được hỏi về “các mô hình sinh kế phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số ở Quảng Nam hiện nay”. 81,22% hộ gia đình thống nhất với mô hình “2 + 3” nêu trên, 14,96% hộ gia đình nêu ý kiến của mình về mô hình “1+ 4” (trong đó 1 gồm: lao động dân lo; 4 gồm: đất, vốn, kỹ thuật (giống), thị trường

Hình 4: Mức độ cần hỗ trợ của Nhà nước về các yếu tố sản xuất (Đơn vị: %)



Nguồn: Kết quả điều tra, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, năm 2012

Hình 5: Mô hình sinh kế phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Nam



Nguồn: Kết quả điều tra, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, năm 2012

thuộc về Nhà nước) và tỷ lệ khá nhỏ hộ gia đình (3,83%) đang ủng hộ cho mô hình “1,5 + 3,5” (trong đó: 1,5 gồm: yếu tố lao động của dân và có sự tăng cường của Nhà nước; 3,5 gồm: vốn, công nghệ, thị trường và một phần lao động thuộc về Nhà nước).

Về vốn cho phát triển sinh kế bền vững, rất cần sự hỗ trợ từ các nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách trung ương và các nguồn vốn khác cho phát triển kinh tế xã hội, môi trường, cải thiện sinh kế của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Về khoa học và công nghệ, để thay đổi và phát triển bền vững hoạt động sinh kế của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thì rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước và địa phương trong việc hướng dẫn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp (như trong công tác lai tạo giống, phòng trừ dịch bệnh và công tác khuyến nông...) thông qua các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, hội nghị, hội thảo đầu bờ, tập huấn hoặc các mô hình trình diễn... Với những hỗ trợ này, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số sẽ biết áp dụng những phương thức canh tác tiên

tiến, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tiết kiệm chi phí sản xuất và từng bước tạo ra các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa, góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân.

Về thị trường tiêu thụ, đồng bào dân tộc thiểu số rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước và địa phương trong việc kết nối với thị trường Quảng Nam nói riêng và thị trường vùng Duyên Hải miền Trung nói chung. Trong điều kiện hoạt động trồng trọt và chăn nuôi vẫn còn khá bấp bênh do thị trường đầu ra không ổn định, nông dân thường phải chạy theo thị trường nên rất dễ rơi vào cảnh được mùa, mất giá; được giá, mất mùa thì sự kết nối thị trường này sẽ tạo điều kiện bà con an tâm phát triển sản xuất để mang lại hiệu quả cao cho nông dân. Sự hỗ trợ có thể thông qua việc cung cấp nhiều thông tin hơn về thị trường, tiêu chuẩn sản phẩm... để khắc phục tình trạng người dân thiếu thông tin dẫn đến không có định hướng sản xuất...

Tóm lại, với các yếu tố nguồn lực hiện tại cùng với điều kiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế - biểu hiện của sự chuyển dịch hoạt động sinh kế còn khá chậm thì nông nghiệp vẫn đang và sẽ là hoạt động sinh kế chủ yếu của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam trong những năm sắp tới. Trong quá trình phát triển các hoạt động sinh kế, người dân nơi đây đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn lực sản xuất, đặc biệt là vốn, thị trường, và khoa học công nghệ. Vì vậy, để đẩy nhanh quá trình đa dạng hoá sinh kế và tăng thu nhập hướng tới một mô hình sinh kế bền vững, mô hình sinh kế “2+3” (trong đó 2 yếu tố đất đai và lao động dân tự lo; 3 yếu tố vốn, kỹ thuật và thị trường thuộc về Nhà nước) là mô hình sinh kế phù hợp, cần được cụ thể hóa đối với từng vùng dân tộc thiểu số ở Quảng Nam với những giải pháp cụ thể về các yếu tố lao động, đất đai, vốn, kỹ thuật và thị trường. □

1. Đây là một số kết quả nghiên cứu của đề tài KHCN cấp tỉnh “Luận cứ và giải pháp cho việc xây dựng các mô hình sinh kế bền vững vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam” được thực hiện từ ngân sách của tỉnh Quảng Nam năm 2012- 2013.

Tài liệu tham khảo:

- Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, *Kết quả điều tra khảo sát vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam*, năm 2012.
- Cục Thống kê Quảng Nam, *Kinh tế xã hội 15 năm (1997- 2011)*, năm 2012.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam, *Báo cáo tổng kết công tác dân tộc giai đoạn 2005 – 2010 – Một số nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2011- 2015 về tăng cường công tác dân tộc thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam, *Đề án chương trình hỗ trợ giảm nghèo tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020*, năm 2011.